

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PH
TỈNH PHÚ YÊN
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2021/HSST

Ngày: 07/12/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Chính – Hiệu trưởng Trường THCS Hòa An
2. Ông Nguyễn Xuân Nghi – Phó Trưởng phòng giáo dục huyện PH

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2021/HSST ngày 19 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Phan Văn N**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 26/02/2003 tại Phú Yên; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn ĐP, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phan Văn D, sinh năm 1979 và bà Lê Thị T, sinh năm 1974; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/01/2019, bị Công an huyện PH xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi đánh người khác gây thương tích; Ngày 29/10/2019, bị Công an huyện PH xử phạt hành chính số tiền 375.000 đồng về hành vi đánh người khác gây thương tích, nộp phạt ngày 18/11/2019; Ngày 08/10/2021, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện PH truy tố về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS tại Cáo trạng số 29/CT-VKS-PH; Ngày 18/10/2021, bị TAND tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội cố ý gây thương tích.

Bị cáo đang chấp hành án trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

Người Đại diện theo pháp luật của bị cáo Phan Văn N: Ông Phan Văn D, sinh năm 1979 và bà Lê Thị T, sinh năm 1974; Cùng địa chỉ: Thôn ĐP, xã HQN, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên. Bà Thân có mặt, ông Dư vắng mặt.

2. **Nguyễn Minh T**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 09/6/2003 tại Phú Yên; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn x, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 và bà Lê Thị N, sinh năm 1973; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PH điều tra về hành vi cùng với Lê Văn Tr trộm cắp tài sản xảy ra ngày 11/3/2020 tại thôn LP, xã HT, huyện PH.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo pháp luật của Nguyễn Minh T: Cô ruột bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu phố x, phường y, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Quốc K**, tên gọi khác: Không; sinh năm 2000 tại Phú Yên; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn ĐL, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 và bà Phan Thị B, sinh năm 1971; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PH điều tra về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra ngày 18/8/2021 tại Thôn ĐL, xã HT.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác. Có mặt tại phiên tòa.

4. **Lê Công Đ**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 17/5/2003 tại Phú Yên; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn NL, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn T, sinh năm 1972 và bà Phan Thị H, sinh năm 1975; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PH điều tra điều tra về hành vi trộm cắp lúc 00h 15' ngày 19/11/2021 tại xã HQB.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa

Đại diện theo pháp luật của Lê Công Đ: Ông Lê Văn T, sinh năm 1972 và bà Phan Thị H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn NL, xã HQN, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên. Bà H có mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt.

* *Người bào chữa cho các bị cáo Phan Văn N, Nguyễn Minh T, Lê Công Đ:* Luật sư Nguyễn Ninh là Luật sư ký hợp đồng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: số 68 Lê Duẩn, phường 7, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:*

1. Ông Trình Văn H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn x, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Phan Ngọc Á, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn NL, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Lê Quốc S, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn ĐB, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn T, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn LP, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Anh Trương Minh N, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn LP, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Ông Châu Văn M, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn MT, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Ông Phạm C, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn x, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Lê Tấn K, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn MLB, xã HQB, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Ông Lê Tấn Kh, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn MLB, xã HQB, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Văn D, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn ĐP, xã HQN, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.
 2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn ĐP, xã HQN, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.
 3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn x, xã HT, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.
 4. Bà Lê Thị N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn x, xã HT, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.
 5. Ông Lê Văn T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn NL, xã HQN, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.
 6. Bà Phan Thị H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn NL, xã HQN, huyện Phú Hoà, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.
 7. Anh Trần Quốc Q, sinh năm 2005; Địa chỉ: Thôn LP, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.
- Đại diện theo pháp luật của Trần Quốc Q: Bà Trần Thị Viêt H, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn LP, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.
8. Anh Tạ Thanh H, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn ĐL, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.
 9. Anh Tạ Như X, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn QH, xã HQN, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG:

Từ ngày 15/10/2020 đến ngày 16/02/2021, Phan Văn N cùng với Nguyễn Minh T, Lê Công Đ, Nguyễn Quốc K và Trần Quốc Q đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện PH cụ thể như sau:

Vụ 1: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 15/10/2020, Phan Văn N rủ Nguyễn Minh T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. N điều khiển xe mô tô 78L1-9367 chở T đi ngang nhà Ông Trình Văn H thuộc Thôn x, xã HT, huyện PH thấy có 01 cây Ba Chia lá lớn cao 87cm, chu vi gốc 18cm và 01 cây Ba Chia lá lớn cao 90cm, chu vi gốc 25cm để sát hàng rào bê tông trước nhà nên N dừng xe rồi cùng với T leo qua hàng rào vào bên trong nhà 02 cây Ba Chia này mang về nhà T, chia mỗi người một cây để trồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐG ngày 14/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện PH kết luận: 02 cây Ba Chia lá lớn có giá 350.000 đồng.

Vụ 2: Khoảng 02 giờ ngày 30/12/2020, Phan Văn N rủ Nguyễn Quốc K đi trộm cắp tài sản, K đồng ý. K điều khiển xe mô tô Sirius (không rõ biển số) chở N đi đến Thôn NL, xã HQN, huyện PH, thấy nhà Ông Phan Ngọc Á có nhiều cây cảnh nên K dừng xe, N dùng kìm cộng lực cắt hàng rào lưới B40 nhà ông Á rồi vào bên trong nhà 01 cây Ba Chia Sông Hình cao khoảng 1,2m, đường kính gốc 04cm rồi đem về nhà K cất giấu. Đến chiều cùng ngày, K bán cây trên cho Tạ Thanh H trú Thôn ĐL, xã HT, huyện PH với số tiền 400.000 đồng, số tiền này K tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐG ngày 07/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện PH kết luận: 01 cây Ba Chia Sông Hình có giá 2.000.000 đồng.

Vụ 3: Khoảng 02 giờ ngày 16/01/2021, Phan Văn N rủ Nguyễn Minh T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. N điều khiển xe mô tô 78L1-9367 chở T đi đến Thôn ĐB, xã HQN thấy nhà Ông Lê Quốc S có nhiều cây cảnh nên N dừng xe, dùng kiếm cộng lực cắt lưới B40 nhà ông Sạch rồi N và T vào bên trong nhổ 01 cây Ba Chia lá lớn cao 50cm có 02 thân, chu vi gốc 08cm và 8,5cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 35cm có 04 thân, chu vi gốc 10cm, 8cm, 8,5cm và 12cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 38cm có 02 thân, chu vi gốc 10cm và 11cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 40cm có 03 thân, chu vi gốc 08cm, 11cm và 07cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 33cm có 05 thân, chu vi gốc 08cm, 07cm, 08cm, 08cm và 06cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 55cm có 03 thân, chu vi gốc 10cm, 09cm và 9,5cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 50cm có 03 thân, chu vi gốc 06cm, 06cm và 08cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 39cm, chu vi gốc 12,5cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 39cm, chu vi gốc 09cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 40cm, gồm 02 thân có chu vi gốc 10cm và 08cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 50cm, chu vi gốc 24cm; 02 cây Ba Chia lá lớn cao 60cm, chu vi gốc 24cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 40cm có 02 thân, chu vi gốc 21cm và 22cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 20cm, chu vi gốc 30cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 60cm có 13 thân, chu vi gốc trung bình 02cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 60cm có 17 thân, chu vi gốc trung bình 02cm và 01 cây Hải Châu cao 30cm, chu vi gốc 09cm mang về nhà của N cất giấu. Sau đó, N bán những cây này nhưng không ai mua nên N trồng số cây trên tại nhà của N, trong quá trình trồng chết 07 cây Ba Chia lá lớn.

Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 15/4/2021 và 44/KL-HĐĐG ngày 11/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện PH kết luận: 17 cây Ba Chia lá lớn và 01 cây Hải Châu có giá trị 7.020.000 đồng.

Vụ 4: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 25/01/2021, Phan Văn N rủ Trần Quốc Q đi trộm cắp tài sản, Q đồng ý. N điều khiển xe mô tô Wave (không rõ biển số) chở Q đi đến thôn LP, xã HT, huyện PH thấy nhà Ông Nguyễn T có nhiều cây cảnh nên N dừng xe và dùng kiếm cộng lực cắt lưới B40 cửa ngõ nhà ông T rồi cùng Q vào bên trong nhổ 01 cây Sam cao 43cm, chu vi gốc 24cm và 01 cây Ba Chia lá nhỏ dáng thác đổ cao 25cm, chu vi gốc 06cm rồi mang về nhà của N để cất giấu. Khi đi đến đoạn đường bê tông gần cầu BL thuộc thôn LP, xã HT, huyện PH, Q ném cây Ba Chia xuống đám ruộng. Đến sáng cùng ngày, N trồng cây Sam này nhưng nói với Q bán cây Sam được 1.000.000 đồng và đưa cho Q 500.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 16/4/2021 và 46/KL-HĐĐG ngày 14/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện PH kết luận: 01 cây Sam và 01 cây Ba Chia lá nhỏ có giá 1.500.000 đồng.

Vụ 5: Khoảng 01 giờ ngày 10/02/2021, Phan Văn N rủ Trần Quốc Q đi trộm cắp tài sản, Q đồng ý. N điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave (không rõ biển số) chở N đi đến thôn LP, xã HT thấy nhà ông Trương Minh N có nhiều cây cảnh, N dừng xe rồi N và Q đột nhập vào nhà ông N nhổ trộm 01 cây Sam cao 30cm, chu vi gốc 14cm; 01 cây Sam cao 40cm, chu vi gốc 13cm; 01 cây Ba Chia lá nhỏ cao 33cm, chu vi gốc 12cm; 01 cây Chùm Rùm cao 38cm, chu vi gốc 26cm mang về nhà của N cất giấu. Đến sáng cùng ngày, N bán cây Sam cao 40cm cho 01 người tên Q ở thôn PN, xã HT, huyện PH được 300.000 đồng, N và Q tiêu xài hết, số cây còn lại N trồng tại nhà mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 17/4/2021 và 47/KL-HĐĐG ngày 15/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện PH kết luận: 02 cây Sam, 01 cây Ba Chia lá nhỏ, 01 cây Chùm Rùm có giá 1.300.000 đồng.

Vụ 6: Khoảng 02 giờ ngày 13/02/2021, Phan Văn N rủ Nguyễn Minh T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý. N điều khiển xe mô tô 78L1-9367 chở T đi đến Thôn MT, xã HT, huyện PH thấy nhà Ông Châu Văn M có nhiều cây cảnh, N dừng xe đứng ngoài cảnh giới, T leo qua hàng rào sắt vào bên trong nhổ trộm 01 cây Ngâu cao 54cm, chu vi gốc 24cm và 01 lồng chim gỗ bên trong lồng chim có 01 con cu Cườm đem về nhà N cất giấu. Sau đó, N bán nhưng không ai mua nên N trồng cây Ngâu và nuôi con cu trên. Đến ngày 15/02/2021, bị mất lồng chim và con cu Cườm trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 18/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện PH kết luận: 01 cây Ngâu, 01 lồng gỗ và 01 con cu Cườm có giá 900.000 đồng.

Vụ 7: Khoảng 23 giờ ngày 15/02/2021, Lê Công Đ rủ Phan Văn N và Nguyễn Minh T đi trộm cắp tài sản, N và T đồng ý. T điều khiển xe mô tô 78L1-9367 chở Đ, N đi ngang qua nhà Ông Phạm C thuộc Thôn x, xã HT thấy 01 cây Sam cao 35cm, chu vi gốc 07cm đang để sát hàng rào bê tông trước cửa nhà. N dừng xe, T đứng cảnh giới còn N và Đ đi đến đứng bên ngoài hàng rào lấy cây Sam này đưa ra ngoài rồi mang đến bờ mương gần nhà T cất giấu.

Tại Kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 19/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện PH kết luận: 01 cây Sam có giá 200.000 đồng.

Vụ 8: Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 16/02/2021, Phan Văn N tiếp tục điều khiển xe mô tô 78L1-9367 chở Đ và T đi ngang qua nhà Ông Lê Tấn K thuộc Thôn MLB, xã HQB thì nghe T gà gáy nên N dừng xe, T đứng bên ngoài cảnh giới còn N và Đ vào bên trong bắt 02 con gà cồ nòi lông tía, mỗi con nặng 3,2kg; 02 con gà cồ rừng mang ra ngoài. Lúc này, Đ thấy nhà ông Lê Minh A (kế bên nhà Kh) có 01 cái lồng chim bằng sắt bên trong có 01 con cu Cườm nên Đ lấy trộm thì ông Khoa và ông Kh phát hiện bắt giữ T cùng tang vật, Đ và N chạy thoát.

Tại Kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐĐG ngày 20/4/2021 và 39/KL-HĐĐG ngày 06/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện PH kết luận: 02 con gà cồ nòi; 02 con gà cồ loại gà rừng; 01 lồng chim bằng sắt và 01 con cu Cườm có giá 1.800.000 đồng.

Vật chứng vụ án, đồ vật thu giữ:

Đã trả lại chủ sở hữu:

- Ông Trình Văn H: 01 cây Ba Chia lá lớn cao 87cm, chu vi gốc 18cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 90cm, chu vi gốc 25cm;

- Ông Lê Quốc S: 01 cây Ba Chia lá lớn cao 50cm có 02 thân, chu vi gốc 08cm và 8,5cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 35cm có 04 thân, chu vi gốc 10cm, 8cm, 8,5cm và 12cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 38cm có 02 thân, chu vi gốc 10cm và 11cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 40cm có 03 thân, chu vi gốc 08cm, 11cm và 07cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 33cm có 05 thân, chu vi gốc 08cm, 07cm, 08cm, 08cm và 06cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 55cm có 03 thân, chu vi gốc 10cm,

09cm và 9,5cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 50cm có 03 thân, chu vi gốc 06cm, 06cm và 08cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 39cm, chu vi gốc 12,5cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 39cm, chu vi gốc 09cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 40cm, gồm 02 thân có chu vi gốc 10cm và 08cm và 01 cây Hải Châu cao 30cm, chu vi gốc 09cm;

- Ông Nguyễn T: 01 cây Sam cao 43cm, chu vi gốc 24cm;

- Ông Trương Minh N: 01 cây Sam cao 43cm, chu vi gốc 24cm; 01 cây Ba Chia lá nhỏ cao 33cm, chu vi gốc 12cm; 01 cây Chùm Rùm cao 38cm, chu vi gốc 26cm;

- Ông Châu Văn M: 01 cây Ngâu cao 54cm, chu vi gốc 24cm;

- Ông Phạm C: 01 cây Sam cao 35cm, chu vi gốc 07cm;

- Ông Lê Tấn K: 01 con gà cồ nòi lông tía, mỗi con nặng 3,2kg; 01 con gà cồ rừng đã chết;

- Ông Lê Minh A: 01 cái lồng chim bằng sắt bên trong có 01 con cu Cườm;

Đang tạm giữ: Xe mô tô biển kiểm soát 78L1 – 9367.

Phản dân sự: Các bị hại Trương Minh N, Nguyễn T, Lê Tấn Kh đã nhận bồi thường do bị cáo N bồi thường nên không có yêu cầu bồi thường thêm; các bị hại Trình Văn H, Phan Ngọc Á, Lê Tấn K và Phạm C không yêu cầu bồi thường; bị hại Lê Quốc S yêu cầu bồi thường 2.500.000 đồng, bị cáo N đã bồi thường 1.000.000 đồng; bị hại Châu Văn M yêu cầu bồi thường 2.600.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 31/CT-VKS-PH ngày 15/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện PH đã truy tố các bị cáo Phan Văn N, Nguyễn Minh T, Nguyễn Quốc K và Lê Công Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của các bị hại Lê Tấn Kh, Phạm C, Châu Văn M có nội dung xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Phan Văn N, Nguyễn Minh T, Nguyễn Quốc K và Lê Công Đ khai nhận diễn biến vụ án như nội dung Cáo trạng, thừa nhận Viện kiểm sát truy tố là đúng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Về dân sự: Tại đơn xin xét xử vắng mặt của các bị hại thể hiện nội dung: Lê Quốc S yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường thêm 1.000.000 đồng; các bị hại Trương Minh N, Nguyễn T, Lê Tấn Kh và Châu Văn M đã nhận bồi thường nên không có yêu cầu bồi thường thêm; các bị hại Trình Văn H, Phan Ngọc Á, Lê Tấn K và Phạm C không yêu cầu bồi thường.

Bị cáo N đã bồi thường cho các bị hại Trương Minh N, Nguyễn T, Lê Tấn Kh và Lê Quốc S mỗi người 1.000.000 đồng nên bị cáo N và bị cáo T thống nhất thỏa thuận bị cáo T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Châu Văn M và số tiền còn lại 1.000.000 đồng của bị hại Lê Quốc S.

Bị cáo N không yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Quốc Q và các bị cáo khác trả lại số tiền mà bị cáo đã bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Quốc Q đồng ý bồi thường nếu bị hại hoặc bị cáo N có yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày: Xe 78L1 – 9367 là của vợ chồng bà mua lại, N lấy xe đi vợ chồng bà không biết, nay không có phương tiện đi lại nên xin Hội đồng xét xử trả lại xe để có phương tiện đi lại.

Những người đại diện hợp pháp của các bị cáo Phan Văn N, Nguyễn Minh T, Lê Công Đ gồm: Lê Thị T, Nguyễn Thị Hồng L và Phan Thị H đồng ý bồi thường thay cho các bị cáo nếu các bị cáo N, T, Đ phải bồi thường cho bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH thực hành quyền công tố tại phiên tòa. Sau khi phân tích tính chất và mức độ hành vi phạm tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo tại cáo trạng số 31/CT-VKS-PH ngày 15 tháng 10 năm 2021 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho cả 04 bị cáo;

Bị cáo N áp dụng thêm điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 91, 101, xử phạt bị cáo N từ 09 tháng đến 01 năm tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án số 78/2021/HS-PT ngày 18/10/2021, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án kể từ ngày chấp hành bản án số 78/2021/HS-PT.

Bị cáo T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 101, xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Đ áp dụng thêm điểm I khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101, xử phạt bị cáo từ 05 đến 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo K từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo T và bị cáo N, bị cáo T có trách nhiệm bồi thường tiếp số tiền 1.000.000 đồng còn lại cho bị hại Lê Quốc S và 2.600.000 đồng cho bị hại Châu Văn M.

Về vật chứng vụ án: Trả lại xe 78L1 – 9367 cho chủ sở hữu.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Phan Văn N, Nguyễn Minh T, Lê Công Đ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 91, 101 Bộ luật hình sự cho cả 03 bị cáo; xử phạt bị cáo N 06 tháng tù.

Bị cáo T được áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T 03 tháng tù cho hưởng án treo.

Bị cáo Đ được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo 03 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo T và bị cáo N, bị cáo T có trách nhiệm bồi thường số tiền 1.000.000 đồng còn lại cho bị hại Lê Quốc S và bị hại Châu Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện PH, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và kết quả điều tra, lời khai của những người người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ được, các kết luận định giá tài sản phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thu thập đúng thủ tục tố tụng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp về thời gian, địa điểm, nguyên nhân, động cơ và mục đích phạm tội, phù hợp với vật chứng thu giữ được đủ cơ sở để kết luận: Từ ngày 15/10/2020 đến ngày 16/02/2021, Phan Văn N cùng với Nguyễn Minh T, Nguyễn Quốc K và Lê Công Đ thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện PH, lấy trộm của Ông Trình Văn H 02 cây Ba Chia trị giá 350.000 đồng; của Ông Phan Ngọc Á 01 cây Ba Chia Sông Hình trị giá 2.000.000 đồng; của Ông Lê Quốc S 17 cây Ba Chia và 01 cây Hải Châu trị giá 7.020.000 đồng; của Ông Nguyễn T 01 cây Sam và 01 cây Ba Chia trị giá 1.500.000 đồng; của ông Trương Minh N 02 cây Sam, 01 cây Ba Chia và 01 cây Chùm rùm trị giá 1.300.000 đồng; của Ông Châu Văn M 01 cây Ngâu, 01 lồng chim bằng gỗ và 01 con Cu Cườm trị giá 900.000 đồng; của Ông Phạm C 01 cây Sam trị giá 200.000 đồng, của Ông Lê Tấn K 02 con gà cồ nòi và 02 con gà cồ rừng trị giá 1.500.000 đồng; của Ông Lê Tấn Kh 01 lồng chim bằng sắt và 01 con Cu Cườm trị giá 300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 15.070.000 đồng, trong đó: Phan Văn N thực hiện 08 vụ chiếm đoạt 15.070.000 đồng; Nguyễn Minh T thực hiện 05 vụ chiếm đoạt 10.270.000 đồng, trong đó có 02 vụ trong cùng một đêm; Nguyễn Quốc K thực hiện 01 vụ chiếm đoạt 2.000.000 đồng; Lê Công Đ thực hiện 02 vụ trong cùng một đêm chiếm đoạt 2.000.000 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo Phan Văn N, Nguyễn Minh T, Nguyễn Quốc K và Lê Công Đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng số 31/CT-VKS-PH ngày 15/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện PH truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo:

[4.1] Trong khoảng thời gian ngắn, Bị cáo N đã thực hiện 08 vụ trộm cắp tài sản gây hoang mang trong dư luận, trong đó có 02 vụ trên 2.000.000 đồng, lại xúi giục bị cáo T là người dưới 18 tuổi phạm tội là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hành sự được quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; giá trị tài sản chiếm đoạt 15.070.000 đồng; bị cáo là người tích cực trong vụ án, trực tiếp thực hiện các hành vi như mượn kìm, trực tiếp dùng kìm cắt lưới B40 để cùng các bị cáo khác thực hiện hành vi trộm cắp; bị cáo có rất nhiều nhân thân xấu: Ngày 11/01/2019, bị Công an huyện PH xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi đánh người khác gây thương tích; Ngày 29/10/2019, bị Công an huyện PH xử phạt hành chính số tiền 375.000 đồng về hành vi đánh người khác gây thương tích; Ngày 08/10/2021, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện PH truy tố về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS tại Cáo trạng số 29/CT-VKS-PH; Ngày 18/10/2021, bị TAND tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội cố ý gây thương tích. Do đó, cần phải có hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4.2] Bị cáo T trong khoảng thời gian ngắn đã thực hiện 05 vụ trộm cắp, trị giá tài sản chiếm đoạt 10.270.000 đồng, trong đó có 01 vụ trên 2.000.000 đồng và trong một đêm bị cáo thực hiện hai lần phạm tội, vai trò của bị cáo trong các vụ án đều tích cực; bị cáo có nhân thân xấu: đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PH điều tra về hành vi cùng với Lê Văn Tr trộm cắp tài sản xảy ra ngày 11/3/2020 tại thôn LP, xã HT nên nhất thiết phải cách ly bị cáo một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[4.3] Bị cáo Đ trong một đêm lại 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp có giá trị 2.000.000 đồng; bị cáo là người trực tiếp rủ rê, xúi giục bị cáo N và bị cáo T đều dưới 18 tuổi đi trộm cắp tài sản là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; ngày 17/11/2021 bị cáo vừa nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử để xét xử bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản thì ngày 19/11/2021 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tại xã HQB lúc 00h15', hiện đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PH điều tra, thể hiện bị cáo coi thường pháp luật nên Hội đồng xét xử phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn vì các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa đối với bị cáo.

[4.4] Bị cáo K thực hiện hành vi trộm cắp có giá trị 2.000.000 đồng, bị cáo có nhân thân xấu: đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PH điều tra về tội Tổ chức sử dụng ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy xảy ra ngày 18/8/2021 tại Thôn ĐL, xã HT, huyện PH.

[5] Tuy nhiên, sau khi phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo N đã bồi thường thiệt hại cho một số bị hại Nguyễn T, Lê Tấn Kh, Trương Minh N và Lê Quốc S được bị hại Nguyễn T, Lê Tấn Kh và Phạm C xin giảm nhẹ hình phạt. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo T đã cung cấp tài liệu bồi thường cho bị hại Châu Văn M và được bị hại Châu Văn M xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo N và bị cáo T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ hình phạt tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo N, bị cáo T và bị cáo Đ khi phạm tội chưa được 18 tuổi nên còn hạn chế về năng lực nhận thức của hành vi. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 và 101 Bộ luật hình sự xử mức án cao nhất không quá ba phần tư của

khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Các bị hại Trình Văn H, Phan Ngọc Á, Lê Tấn K và Phạm C không có yêu cầu bồi thường; bị hại Nguyễn T, Trương Minh N và Lê Tấn Kh đã nhận số tiền bồi thường của bị cáo N; bị hại Châu Văn M đã nhận tiền bồi thường của bị cáo T và không có yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.2] Bị cáo N đã bồi thường cho bị hại Lê Quốc S 1.000.000 đồng; tại đơn xin xét xử vắng mặt bị hại Sạch yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm 1.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo N và bị cáo T thống nhất thỏa thuận bị cáo T tiếp tục bồi thường 1.000.000 đồng cho Lê Quốc S nên ghi nhận.

[6.3] Bị cáo N không yêu cầu các bị cáo khác và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Quốc Q trả lại tiền đã bồi thường cho các bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu:

[7.1] Ông Trình Văn H: 01 cây Ba Chia lá lớn cao 87cm, chu vi gốc 18cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 90cm, chu vi gốc 25cm;

[7.2] Ông Lê Quốc S: 01 cây Ba Chia lá lớn cao 50cm có 02 thân, chu vi gốc 08cm và 8,5cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 35cm có 04 thân, chu vi gốc 10cm, 8cm, 8,5cm và 12cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 38cm có 02 thân, chu vi gốc 10cm và 11cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 40cm có 03 thân, chu vi gốc 08cm, 11cm và 07cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 33cm có 05 thân, chu vi gốc 08cm, 07cm, 08cm, 08cm và 06cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 55cm có 03 thân, chu vi gốc 10cm, 09cm và 9,5cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 50cm có 03 thân, chu vi gốc 06cm, 06cm và 08cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 39cm, chu vi gốc 12,5cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 39cm, chu vi gốc 09cm; 01 cây Ba Chia lá lớn cao 40cm, gồm 02 thân có chu vi gốc 10cm và 08cm và 01 cây Hải Châu cao 30cm, chu vi gốc 09cm;

[7.3] Ông Nguyễn T: 01 cây Sam cao 43cm, chu vi gốc 24cm;

[7.4] Ông Trương Minh N: 01 cây Sam cao 43cm, chu vi gốc 24cm; 01 cây Ba Chia lá nhỏ cao 33cm, chu vi gốc 12cm; 01 cây Chùm Rùm cao 38cm, chu vi gốc 26cm;

[7.5] Ông Châu Văn M: 01 cây Ngâu cao 54cm, chu vi gốc 24cm;

[7.6] Ông Phạm C: 01 cây Sam cao 35cm, chu vi gốc 07cm;

[7.7] Ông Lê Tấn K: 01 con gà cồ nòi lông tía, mỗi con nặng 3,2kg; 01 con gà cồ rừng đã chết;

[7.8] Ông Lê Minh A: 01 cái lồng chim bằng sắt bên trong có 01 con cu Cườm;

[7.9] Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7.10] Xe mô tô biển kiểm soát 78L1 – 9367 thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Phan Văn D và bà Lê Thị T, việc bị cáo N lấy xe đi trộm cắp ông, bà không biết, tại tòa bà Thân xin nhận lại xe để có phương tiện đi lại nên Hội đồng xét xử trả cho chủ sở hữu ông Phan Văn D.

[8] Về án phí: Các Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phan Văn N, Nguyễn Minh T, Nguyễn Quốc K, Lê Công Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn N 01(Một) năm tù; Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 01 năm 03 tháng tù của Bản án số 78/2021/HS-PT ngày 18/10/2021, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày chấp hành Bản án số 78/2021/HS-PT.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Công Đ 04 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Minh T phải bồi thường cho bị hại Lê Quốc S 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Trường hợp bị cáo T không đủ tài sản để bồi thường thì người đại diện hợp pháp bà Nguyễn Thị Hồng L phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của bà Liên.

Về vật chứng vụ án: Trả xe mô tô biển kiểm soát 78L1 – 9367 cho chủ sở hữu ông Phan Văn D theo biên bản giao nhận vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/10/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện PH với Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, Người bào chữa, Người đại diện hợp pháp, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, Người đại diện hợp pháp, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện PH;
- Chi cục THA DS huyện PH;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cơ